

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 18-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

Ông Đinh Tình Thanh Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 29/2021/TLST-KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6487/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng công ty Đ TP.HCM TNHH Thành phố Hồ Chí Minh TNHH.

Địa chỉ: Số 3 đường A, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Vũ T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 5 đường Phùng V, Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 3095/UQ-PCSG ngày 14 tháng 12 năm 2020).

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G.

Địa chỉ: Số 7 đường Nguyễn T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 9 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đỗ Vũ T trình bày:

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G ký hợp đồng mua bán điện với Công ty Đ theo hợp đồng số 1/002212 ngày 13 tháng 9 năm 2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 06/7/2020 Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G nợ 01 hóa đơn trong khoảng thời gian từ ngày 16/4/2019 đến

ngày 15/5/2019 số tiền là 9.152.097 đồng. Công ty Đ đã nhiều lần nhắc nợ nhưng khách hàng vẫn không thanh toán.

Để thực hiện công tác quản lý nợ, Công ty Đ đã nộp đơn khởi kiện số 4606/PCSG-KD ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Quận 1, đề nghị tòa án nhân dân Quận 1 giải quyết, buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G thanh toán số tiền 9.152.097 đồng.

Bị đơn là Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G, nhưng Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G vẫn không có mặt do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn Hợp đồng mua bán điện số 1/002212 ngày 13 tháng 9 năm 2016 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G có địa chỉ trụ sở chính tại địa chỉ: Tầng 1, Số 7 đường Nguyễn T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ với bị đơn có trụ sở tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Hợp đồng mua bán điện cho mục đích kinh doanh số hợp đồng 1/002212 mã khách hàng PE0100011-11AB3-1 ngày 13 tháng 9 năm 2016 Giữa Tổng công ty Đ TP.HCM, đại diện là Chi nhánh Tổng công ty Đ TPHCM TNHH – Công ty Đ và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G có cơ sở để xác định, Tổng công ty Đ TP.HCM TNHH có nghĩa vụ cung cấp điện cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả tiền mặt trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Tính đến ngày 06/7/2020, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G nợ 01 hóa đơn trong khoảng thời gian từ ngày 16/4/2019 đến ngày 15/5/2019 số tiền là 9.152.097 đồng. Công ty Đ đã nhiều lần nhắc nợ nhưng Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G vẫn không thanh toán. Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho Tổng công ty Đ TP.HCM TNHH 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0030358 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G phải trả cho Tổng công ty Đ TP.HCM TNHH toàn bộ số tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán điện là 9.152.097 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả hết số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi theo lãi suất

nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Hoàn lại cho Tổng công ty Đ TP.HCM TNHH 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0030358 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Phúc Hảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Phúc Hảo